

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/DS-ST

Ngày: 25 - 11 - 2021.

“V/v Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Thắng.

Ông Võ Văn Thỏ.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2021/QĐXXST - DS ngày 19/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2021/QĐST-DS ngày 05/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trung tâm N tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Số 86, đường L, phường C, TP S, tỉnh Sóc Trăng.

* Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thành D, chức vụ: Giám đốc

* Người đại diện theo ủy quyền ông Đàm Công K, sinh năm 1992, chức vụ: Nhân viên Trung tâm N tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Kiều Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Đàm Công K trình bày:

Vào năm 2017 Trung tâm N tỉnh Sóc Trăng (Trung tâm N) có ký hợp đồng lao động với bà Kiều Thị T, thời hạn là 03 năm. Thời gian làm việc tại Trung tâm N bà T được giao nhiệm vụ quản lý vận hành và thu tiền nước khách hàng tại trạm cấp nước M. Trong quá trình thu tiền bà T đã chiếm dụng số tiền là 8.615.031 đồng. Đại diện Trung tâm N đã trực tiếp nhiều lần gặp bà T để yêu cầu trả lại số tiền đã chiếm dụng. Tại biên bản làm việc ngày 02/02/2021 thì bà T thừa nhận còn thiếu số tiền 8.615.031 đồng và cam kết đến ngày 09/02/2021 sẽ hoàn trả lại. Tuy nhiên, khi đến hạn thì bà T không hoàn trả số tiền 8.615.031 đồng.

Nay Trung tâm N tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Kiều Thị T hoàn trả lại số tiền đã chiếm dụng là 8.615.031 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Kiều Thị T vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, phía bà T cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã chiếm dụng nên quan hệ pháp luật tranh chấp được HĐXX xác định là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Đồng thời, bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo qui định tại Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền đã chiếm dụng là 8.615.031 đồng, nhận thấy: Theo đại diện nguyên đơn thì ngày 01/7/2017 giữa nguyên đơn với bị đơn có ký hợp đồng lao động. Theo hợp đồng lao động hai bên thỏa thuận, thời hạn lao động là 03 năm từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/7/2020, công việc của bị đơn là Quản lý vận hành và thu tiền nước, địa điểm làm việc Trạm cấp nước M. Trong thời gian làm việc, thì phía bị đơn đã chiếm dụng của nguyên đơn một khoản tiền, khi bị phát hiện thì bị đơn đã khắc phục được một phần, còn lại số tiền là 8.615.031 đồng và cam kết đến ngày 09/02/2021 sẽ hoàn trả. Nhưng quá thời hạn phía bị đơn không thực hiện. Xét thấy, lời trình bày của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu nguyên đơn cung cấp là hợp đồng lao động ngày 01/7/2021 và biên bản về việc xử lý nợ cá nhân ngày 02/02/2021. Theo biên bản về việc xử lý nợ cá nhân ngày 02/02/2021, thì phía bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 8.615.031 đồng. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn hoàn trả lại số tiền là 8.615.031 đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 166 và Điều 280 của Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Từ những phân tích nêu trên xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 280 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trung tâm N tỉnh Sóc Trăng.

Buộc bị đơn bà Kiều Thị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Trung tâm N tỉnh Sóc Trăng số tiền là 8.615.031 đồng (*Tám triệu sáu trăm mười lăm nghìn không trăm ba mươi một đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Kiều Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 430.752 (*Bốn trăm ba mươi nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng*).

Nguyên đơn Trung tâm N tỉnh Sóc Trăng không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007765 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3/ *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ST;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn